HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA VỀ QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi là Hai Bên ký kết),

Với lòng mong muốn củng cố và mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại, trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, qua thương lượng hữu nghị,

Đã thỏa thuận như sau :

Điều 1

Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý cho hàng hóa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa gửi đi nước thứ ba và hàng hóa của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đưa về từ nước thứ ba qua lãnh thổ Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đồng ý cho hàng hóa của Cộng hòa XHCN Việt Nam gửi đi nước thứ ba và hàng hóa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đưa về từ nước thứ ba qua lãnh thổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Điều 2

Hai Bên ký kết cho phép hàng hóa được quá cảnh lãnh thổ của nước mình trừ các hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa cấm xuất khẩu theo qui định của từng nước.

Điều 3

Việc quá cảnh hàng hóa phải tuân thủ các qui định sau đây :

3.1- Phải được cơ quan có thẩm quyền của nước cho quá cảnh cho phép trên cơ sở đơn xin quá cảnh của chủ hàng nước xin quá cảnh.

3.2- Phải tuân thủ pháp luật hải quan của nước cho quá cảnh.

3.3- Số lượng hàng ra đúng bằng số lượng hàng vào. Trường hợp hàng bị thiếu hụt do mất mát, đổ vỡ phải được Hải quan nơi xảy ra sự việc xác nhận bằng văn bản.

3.4- Hàng quá cảnh phải được vận chuyển theo đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời gian quy định trong giấy phép và chịu sự giám sát của Hải quan nước cho quá cảnh.

3.5- Trường hợp hàng quá cảnh cần lưu kho, lưu bãi tại nước cho quá cảnh phải được Hải quan của nước cho quá cảnh cho phép và chịu sự giám sát của Hải quan nước đó.

3.6- Không được tiêu thụ hàng quá cảnh trên lãnh thổ nước cho quá cảnh. Trường hợp đặc biệt phải được phép của Bộ Thương mại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam nếu tiêu thụ tại Việt Nam hoặc của Bộ Mậu dịch và Hợp tác Kinh tế Đối ngoại của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nếu tiêu thụ tại Trung Quốc và phải nộp thuế và các lệ phí khác theo qui định của nước cho qúa cảnh.

Điều 4

Hai Bên ký kết thỏa thuận có thu lệ phí quá cảnh theo các Hiệp định hữu quan mà hai nước đã ký kết và các Hiệp định Quốc tế mà hai nước cùng tham gia, nếu không có những Hiệp định trên sẽ theo qui định hiện hành của nước cho quá cảnh phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 5

Hai Bên ký kết thỏa thuận rằng việc vận chuyển hàng quá cảnh và các thủ tục liên quan được giải quyết theo qui định hiện hành của nước cho quá cảnh.

Điều 6

Hàng hóa quá cảnh đi qua những cửa khẩu sau :

- Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan
- Lao Cai - Hà Khẩu
- Đồng Đăng - Bằng Tường
- Móng cái - Đông Hưng

Ngoài ra, hàng quá cảnh sẽ được đi qua các cửa khẩu quốc tế mà hai Chính phủ thỏa thuận mở thêm sau này.

Điều 7

Các lệ phí và chi phí phát sinh từ hoạt động quá cảnh theo Hiệp định này được thanh toán bằng đồng tiền tự do chuyển đổi phù hợp với những qui định của "Hiệp định về thanh toán và hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" ký tại Bắc kinh ngày 26/5/1993 và các qui định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 8

Những vấn đề không được qui định trong bản Hiệp định này, sẽ được giải quyết căn cứ vào các Hiệp định có liên quan đã đạt được giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Điều 9

Hai Bên ký kết ủy quyền cho Bộ Thương mại Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Bộ Mậu dịch và Hợp tác Kinh tế Đối ngoại Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa căn cứ tình hình thực tế từng thời kỳ ký kết các văn bản cụ thể thực hiện Hiệp định này.

Điều 10

Trong thời hạn hiệu lực của bản Hiệp định này, một trong Hai Bên ký kết có thể kiến nghị bằng văn bản việc bổ sung hoặc sửa đổi các điều khoản của Hiệp định này. Bên ký kết kia phải trả lời trong vòng ba tháng kể từ khi nhận được kiến nghị đó. Các điều khoản được sửa đổi hoặc bổ sung đã được Hai Bên ký kết đồng ý được coi là bộ phận cấu thành của Hiệp định này, và có cùng hiệu lực như bản Hiệp định này.

Điều 11

11.1- Các tranh chấp phát sinh trong việc giải thích Hiệp định này trong quá trình thực hiện, sẽ do các đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký kết thương lượng giải quyết thông qua đường ngoại giao.

11.2- Những tranh chấp giữa các doanh nghiệp trong qúa trình thực hiện các hợp đồng sẽ do các doanh nghiệp giải quyết thông qua thương lượng, nếu thương lượng không đạt kết quả, sẽ do tổ chức Trọng tài Thương mại Quốc tế của nước cho quá cảnh giải quyết.

Điều 12

Bản Hiệp định này có hiệu lực từ ngày ký với thời hạn hiệu lực ba năm. Nếu trong vòng ba tháng trước khi Hiệp định hết hạn mà không Bên nào trong Hai Bên ký kết đề xuất bằng văn bản việc chấm dứt Hiệp định này, thì thời hạn hiệu lực của bản Hiệp định này sẽ mặc nhiên kéo dài thêm một năm, và tiếp tục được kéo dài theo thể thức đó.

Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định này, thì các điều khoản của nó vẫn được áp dụng cho các thỏa thuận có liên quan đã được ký kết trước khi Hiệp định chấm dứt cho đến khi thực hiện xong.

Hiệp định này ký tại ..Hà..nội...ngày.09..tháng..4.năm 1994 thành hai bản. Mỗi bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng Trung Quốc, hai văn bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN **CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**	**ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN** **CHÍNH PHỦ NƯỚC CHND TRUNG HOA**

中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府
关于货物过境的协定

中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府（以下简称“缔约双方”），本着进一步巩固和发展两国经济贸易关系与合作的愿望，在平等互利的原则基础上，经过友好协商，达成协议如下：

第一条

中华人民共和国政府同意输往第三国和由第三国输入的越南社会主义共和国的货物经中华人民共和国领土过境。

越南社会主义共和国政府同意输往第三国和由第三国输入的中华人民共和国的货物经越南社会主义共和国领土过境。

第二条

缔约双方允许经本国领土过境的货物，不包括按各自国家规定禁止进出口的货物。

第三条

货物过境必须遵守以下原则：

一、请求过境一方国家的货主提出申请并经允许过境一方国家主管部门批准。

二、须遵守允许过境一方国家的海关法规。

三、运出货物的数量要与运进数量相符。遇有因丢失、破损而造成货物不全的情况，必须由事故发生地的海关予以书面确认。

四、过境货物必须按批准证件规定的路线、口岸、时间转运，并接受允许过境一方国家海关的监管。

五、过境货物需在允许过境一方国家的仓库、货场存放时，须经允许过境一方国家海关批准，并接受该国海关的监管。

六、不得在允许过境一方国家领土上销售过境货物。特殊情况，如在中国领土上销售，须经中华人民共和国对外贸易经济合作部批准；如在越南领土上销售，须经越南社会主义共和国贸易部批准，并按允许过境一方国家规定缴纳税金和其他各项费用。

第四条

缔约双方同意，根据两国政府已达成的有关协议和两国共同参加的国际协议，如无上述协议，将按符合国际惯例的允许过境一方国家现行规定收取过境费用。

第五条

缔约双方同意，过境货物的转运和有关手续按允许过境一方国家的现行规定办理。

第六条

过境货物经由以下口岸通过：

友谊关－－友谊关；　　凭　祥－－同　登；

河　口－－老　街；　　东　兴－－芒　街。

此外，过境货物也可经由今后双方政府协商开通的新的国际性口岸通过。

第七条

按本协定规定发生的各项费用，应符合一九九三年五月二十六日在北京签订的《中华人民共和国中国人民银行与越南社会主义共和国越南国家银行关于结算与合作的协定》和各自国家外汇管理规定，以可自由兑换外币进行结算。

第八条

本协定其他未尽事宜，将根据中越两国政府已达成的有关协议办理。

第九条

缔约双方授权中国对外贸易经济合作部和越南贸易部根据每个时期的实际情况签订履行本协定的具体文件。

第十条

在本协定有效期内，缔约任何一方均可对本协定的条款提出书面补充或修改建议，缔约另一方应在收到该建议之日后的三个月内做出答复。经缔约双方一致同意的补充或修改条款视为本协定的组成部分，与本协定具有同等效力。

第十一条

一、在执行过程中对本协定解释发生的争议，将由被授权的缔约双方代表通过外交途径协商解决。

二、中越双方企业在执行本协定的过程中发生的争议，将由有关企业协商解决；如协商无效，提交允许过境一方国

家的国际贸易仲裁机构处理。

第十二条

本协定自签字之日起生效，有效期为三年。如缔约任何一方未在本协定有效期满前三个月以书面形式提出终止本协定，则本协定的有效期将自动延长一年，并依此法顺延。

在本协定终止的情况下，其各项规定仍适用于本协定终止前所签订的各项有关协议，直至履行完毕。

本协定于一九九四年四月九日在河内签订，共两份，每份均用中文和越文写成，两种文本具有同等效力。

中华人民共和国政府
全权代表

张高

越南社会主义共和国政府
全权代表

